

Bản án số: 04/2023/DS-ST
Ngày: 30/01/2023
V/v tranh chấp “*hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hoàng Thị Thiện Lai
- Ông Tô Ngọc Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 300/2023/TLST- DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 651/2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/TB-TA ngày 13 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Thanh P, sinh năm 1977; địa chỉ: số 372B, khóm B, thị trấn T.B, tỉnh Đ.T.

Đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Lê Thị T.T, sinh năm 1983; địa chỉ: số 7, ấp 3, xã P, huyện T.B, tỉnh Đ.T, là đại diện ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 14/11/2022 được Văn phòng Công chứng Lý Thanh Dũng chứng nhận, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp L.M, xã L.G, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày tại các phiên hòa giải, nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: do quen biết, ngày 21/10/2018, ông cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu), lãi suất 1.66%/tháng, đến ngày 21/01/2022, bà N đóng lãi và trả tiền gốc được 9.600.000

đồng. Sau đó đến nay, bà N không đóng lãi và trả tiền gốc còn lại cho ông. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị N trả cho ông số tiền gốc còn lại 5.400.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 21/02/2022 đến ngày 21/7/2022 là $06 \text{ tháng} \times 89.000\text{đ}/\text{tháng} = 534.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng ông yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả cho ông số tiền gốc, lãi 5.934.000 đồng và tiếp tục tính lãi trên số tiền nợ gốc 5.400.000 đồng với mức 1.66%/tháng từ ngày 21/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện của mình là: Đơn khởi kiện; tờ tự khai; 01 (một) bản sao) giấy CMND, sổ hộ khẩu; 01 (một) Biên nhận nợ ngày 21/10/2018 (bản photo).

Bị đơn Nguyễn Thị N vắng mặt nên không thể ghi nhận được ý kiến, không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày, vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ là 5.400.000 đồng; rút lại đối với yêu cầu đối với tiền lãi tạm tính từ ngày 21/02/2022 đến ngày 21/7/2022 là $06 \text{ tháng} \times 89.000\text{đ}/\text{tháng} = 534.000 \text{ đồng}$ và rút lại yêu cầu tiếp tục tính lãi trên số tiền nợ gốc 5.400.000 đồng với mức 1.66%/tháng từ ngày 21/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Bị đơn Nguyễn Thị N vắng mặt nên không thể ghi nhận được ý kiến, không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234; bị đơn từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 và Điều 234 từ khi thụ lý vụ án, tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 76 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Ngày 21/10/2018, bà N có vay của ông P 15.000.000 đồng, lãi suất 1,66%/tháng. Đến ngày 21/01/2022, bà N có trả vốn, lãi số tiền 9.600.000 đồng. Nay, ông yêu cầu bà N trả 5.400.000 đồng và tính lãi suất 1,66% từ ngày 21/02/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp cho nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi. Phía bà N được Tòa

án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không gửi văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông P. Căn cứ ông P khởi kiện là biên nhận nợ ngày 21/10/2018, với nội dung bà N có vay ông P 15.000.000 đồng, đến ngày 21/01/2022 bà N trả vốn 9.600.000 đồng, còn lại 5.400.000 đồng không tiếp tục thanh toán nên ông P khởi kiện yêu cầu bà N trả 5.400.000 đồng là có căn cứ phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

Về lãi suất, do nguyên đơn đã rút lại yêu cầu tính lãi nên cần đình chỉ.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự và Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P.
- Buộc bà Nguyễn Thị Nở có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thanh P số tiền 5.400.000 đồng.
- Đình chỉ yêu cầu tính lãi của ông Trần Thanh P yêu cầu tính lãi suất 20%/năm từ ngày 21/02/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tiền vay và lãi suất; căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định là tranh chấp “*hợp đồng vay tài sản*”.

[2] *Về thẩm quyền:* bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về sự vắng mặt của các đương sự:* bị đơn vắng mặt tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] *Về nội dung:*

[4.1] *Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:* Do quen biết, ngày 21/10/2018, ông cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 1.66%/tháng, đến ngày 21/01/2022, bà N đóng lãi và trả tiền gốc được 9.600.000 đồng. Kể từ thời điểm đó đến nay, bà N không đóng lãi và trả tiền gốc còn lại cho ông. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị N trả cho ông số tiền gốc và tiền lãi tạm tính từ ngày đến ngày 21/7/2022 với số tiền 5.934.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi trên số tiền nợ gốc 5.400.000 đồng với mức 1.66%/tháng từ ngày 21/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện của mình là: Đơn khởi kiện; tờ tự khai; 01 (một) bản sao) giấy CMND, sổ hộ khẩu; 01(một) Biên nhận nợ ngày 21/10/2018 (bản photo).

[4.2] Về nhận định, đánh giá tài liệu, chứng cứ:

Căn cứ ông P khởi kiện là biên nhận nợ ngày 21/10/2018, với nội dung bà N có vay ông P 15.000.000 đồng thể hiện rõ chữ ký nhận nợ của bà N, đến ngày 21/01/2022 bà N trả vốn 9.600.000 đồng, còn lại 5.400.000 đồng không tiếp tục thanh toán. Mặc dù ông P đã nhiều lần yêu cầu bà N trả nợ nhưng bà N không thực hiện nghĩa vụ đã vi phạm cam kết. Vì vậy, ông P khởi kiện yêu cầu bà N trả 5.400.000 đồng là có căn cứ phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

[5] Về số tiền lãi: Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp cho nguyên đơn rút lại toàn bộ yêu cầu tính lãi suất với mức 20%/năm từ ngày 21/02/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Việc rút toàn bộ yêu cầu về lãi suất của phía nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên đình chỉ.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Do yêu cầu được chấp nhận nên ông Trần Thanh P không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012684 ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bị đơn Nguyễn Thị N phải chịu án phí theo quy định với tỷ lệ 5% tương ứng với số tiền có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn.

[7] Đánh giá quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273, Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P.

Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thanh P số tiền vay còn nợ 5.400.000 đồng (năm triệu bốn trăm nghìn).

1.2 Đình chỉ yêu cầu tính lãi của ông Trần Thanh P với mức lãi suất 20%/năm từ ngày 21/02/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Ông Trần Thanh P được hoàn lại 300.000 đồng (ba trăm nghìn) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012684 ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự gồm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bản án để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSPA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong